

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 06-9-2017

V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đình Đoan Hùng.

Bà Bùi Thị Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Xuân Nữ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 06 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 349/2017/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2017, về tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 205/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị Bé H, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Đường N, Tổ P, Ấp Q, xã T, thành phố R, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Bùi Văn K, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Đường N, Tổ P, Ấp Q, xã T, thành phố R, tỉnh Đồng Tháp.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10-7-2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bé H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Bùi Văn K chung sống với nhau từ năm 1994, không đăng ký kết hôn. Qua thời gian vợ chồng chung sống không được hạnh phúc, nguyên nhân do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng luôn phát sinh mâu thuẫn. Mặc dù chị H đã nhiều lần cố gắng dung hòa tình cảm vợ chồng nhưng không được từ đó tình cảm vợ

chồng không còn. Chị H và anh K không còn sống chung với nhau từ năm 2016 cho đến nay. Trong thời gian sống xa nhau, chị H và anh K không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Vì vậy, chị H yêu cầu được ly hôn với anh K.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị H và anh K có sinh 01 con chung tên Bùi Nhật T sinh ngày 07 tháng 12 năm 1995, hiện nay con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên hòa giải ngày 18-8-2017 và trong quá trình xét xử, bị đơn anh Bùi Văn K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh K thống nhất như lời trình bày của chị H về thời gian chung sống cũng như mâu thuẫn vợ chồng. Anh K nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh K đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Bùi Nhật T, sinh ngày 08 tháng 12 năm 1995, hiện nay con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bé H và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh Bùi Văn K có địa chỉ tại xã T, thành phố R, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Việc chị H và anh K chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn là có thật, đã được các đương sự thừa nhận.

Tại phiên tòa, chị H và anh K trình bày vợ chồng chung sống với nhau từ năm 1994. Trong thời gian vợ chồng chung sống thì không được hạnh phúc, nguyên nhân do phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng

không còn nên từ năm 2016, chị H và anh K đã không còn sống chung. Nay chị H yêu cầu được ly hôn với anh K, anh K cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Hồng.

Xét yêu cầu của chị H yêu cầu được ly hôn với anh K. Hội đồng xét xử xét thấy, chị H và anh K chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1994 nhưng chị H và anh K không tuân thủ về đăng ký kết hôn mà Luật Hôn nhân và gia đình đã quy định, nên hôn nhân của chị H và anh K không phải là hôn nhân hợp pháp, không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình thì không có giá trị pháp lý.

Vì vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Bé H với anh Bùi Văn K.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị H và anh K có 01 con chung tên Bùi Nhật T, sinh ngày 08 tháng 12 năm 1995, hiện nay con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Không có.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí mà chị đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 1 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Bé H với anh Bùi Văn K.

- Về con chung: Con chung tên Bùi Nhật T, sinh ngày 08 tháng 12 năm 1995, hiện nay con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 17454 ngày 24 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh. Chị H đã nộp xong tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Huỳnh Thị Thơm

“Để thi hành”

Tp. Cao Lãnh, ngày 18 tháng 10 năm 2017

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- THADS Tp. Cao Lãnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Huỳnh Thị Thơm